

MỘT SỐ ĐÁNH GIÁ BƯỚC ĐẦU VỀ "HỌC THUYẾT OBAMA"

Nguyễn Hồng Quang
Vụ Châu Mỹ - Bộ Ngoại giao

Một trong những đặc trưng của nền chính trị Mỹ là khi tổng thống mới được bầu lên nắm quyền, ông và chính quyền mới của ông thường đưa ra chính sách ngoại giao - an ninh mới (có xem xét lại chính sách của chính quyền trước). Nội dung của chính sách mới, bao gồm cả những điều chỉnh đó của các tổng thống Mỹ được gọi là các học thuyết về an ninh - đối ngoại. Hiểu một cách chung nhất, học thuyết an ninh - đối ngoại là những mục tiêu, quan điểm, lập trường cơ bản của các Tổng thống Mỹ về vấn đề liên quan đến an ninh và đối ngoại của Mỹ để từ đó, các cơ quan hoạch định chính sách như Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Nhà Trắng, Hội đồng An ninh Quốc gia,... đề ra những chính sách cụ thể áp dụng trong nhiệm kỳ của tổng thống. Nhìn lại lịch sử của Mỹ, có thể thấy học thuyết về đối ngoại thường mang đậm dấu ấn của cá nhân các Tổng thống Mỹ.

Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, nước Mỹ đã 10 lần đưa ra các "học thuyết" mang tên các tổng thống. Một số học thuyết được biết đến nhiều nhất là Học thuyết Truman ngăn chặn Chủ nghĩa Cộng sản (1947), Học thuyết Eisenhower cam kết trợ giúp các quốc gia chống lại sự can thiệp của Liên Xô (1957); Học thuyết Kennedy về thúc đẩy tự do trên thế giới (1961); Học thuyết Nixon

rút ra khỏi Chiến tranh Việt Nam (1969); Học thuyết Carter về việc can thiệp vào vùng Vịnh để bảo vệ lợi ích của Mỹ trước sự mở rộng ảnh hưởng của Liên Xô (1980); Học thuyết Reagan ủng hộ các phong trào chống Cộng trên thế giới chống lại Liên Xô và các nước XHCN (1985); Học thuyết Clinton về quyền can thiệp của Mỹ để ngăn chặn các vụ diệt chủng (đưa ra năm 1999 - còn gọi là học thuyết "nhân quyền cao hơn chủ quyền"). Gần đây nhất, sau vụ khủng bố đánh vào nước Mỹ (11/9/2001), Tổng thống Bush (con) đưa ra Học thuyết Bush gồm 4 nội dung cơ bản: Chủ nghĩa đơn phương; Tấn công các quốc gia chứa chấp những kẻ khủng bố; Tấn công phủ đầu; Thay đổi chế độ các quốc gia phi dân chủ (trong nhiệm kỳ 2 điều chỉnh nội dung này thành mục tiêu thúc đẩy dân chủ trên thế giới). Trong khoảng thời gian trên, chỉ có hai tổng thống không đưa ra các học thuyết an ninh - đối ngoại là Gerald Ford (1974-1977) và Bush (cha) với những lý do hết sức khách quan: Ford bất ngờ lên cầm quyền thay Nixon sau vụ bê bối Watergate nên chưa đủ thời gian để "nung nấu" một học thuyết của riêng mình; Bush (cha) trước khi trở thành Tổng thống đã là Phó Tổng thống nên có quan điểm an ninh - đối ngoại gần giống với người tiền nhiệm là Reagan, do đó chủ trương tiếp tục triển khai học thuyết Reagan. Các tổng thống

thường đưa ra học thuyết của mình để biện minh cho một đường lối đối ngoại mới hay vào thời điểm xảy ra những biến cố quan trọng về an ninh - đối ngoại của Mỹ; có thể thời điểm đó vào đầu nhiệm kỳ, cũng có thể vào giữa nhiệm kỳ hay cuối nhiệm kỳ.

1. Bối cảnh ra đời của Học thuyết Obama

Nhiều chuyên gia Mỹ cho rằng, Tổng thống Obama lên nắm quyền trong bối cảnh nước Mỹ đang diễn ra biến cố lớn về an ninh - đối ngoại. Chính quyền Bush để lại những "di sản" cả về đối nội và đối ngoại mà người kế nhiệm sẽ phải giải quyết, nếu muốn tiếp tục duy trì vị thế lãnh đạo thế giới của Mỹ.

Về đối nội, cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính diễn ra từ năm 2007 được coi là trầm trọng nhất kể từ Đại khủng hoảng 1929-1933. Báo cáo mới nhất của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed.) dự đoán kinh tế Mỹ 2009 sẽ tăng trưởng âm 2%, thất nghiệp sẽ vượt 10%; quá trình phục hồi trong 2010 và 2011 sẽ diễn ra khó khăn. Vị thế đồng đôla Mỹ suy giảm trước sự nổi lên của đồng tiền chung Châu Âu, đồng Yên (Nhật) và Nhân dân tệ (Trung Quốc). Cuộc khủng hoảng này đã kéo lùi các chỉ tiêu phát triển kinh tế Mỹ (7/10 chỉ số sản xuất cơ bản của Mỹ đã thấp hơn thời điểm năm 2002). Đáng nói hơn, mô hình kinh tế - tài chính của Mỹ vốn được coi là hình mẫu trên thế giới, nay bị nhiều nước nghi ngờ. Trước đây, Mỹ được coi là thiên đường an toàn cho đầu tư quốc tế, cả ngắn hạn và dài hạn, nhưng hiện nay, các nước đều thận trọng khi đầu tư vào Mỹ. Các tổ chức tài chính quốc tế do Mỹ lãnh đạo hoặc chi phối, như IMF, WB bị thách thức, do sự nổi lên của các nước thuộc nhóm BRIC¹.

Tác động sâu xa của cuộc khủng hoảng này là thế và lực của Mỹ bị suy giảm nhanh hơn trong tương quan lực lượng với các nước cạnh tranh với Mỹ, đặc biệt là so với Trung Quốc. Trước đây, có nhiều dự đoán cho rằng, đến năm 2014, Trung Quốc mới bắt kịp Mỹ về sản xuất; nay dự đoán vào năm 2011, Trung Quốc sẽ trở thành nền kinh tế sản xuất hàng hóa nhiều nhất thế giới. Trước đây dự đoán đến năm 2029, Trung Quốc mới vượt Mỹ về Tổng sản phẩm quốc nội (GDP); nay dự đoán đến năm 2025, Trung Quốc sẽ trở thành nền kinh tế lớn nhất thế giới.

Về an ninh - đối ngoại, Chính quyền Bush để lại "di sản" là hai cuộc chiến còn dang dở là Iraq và Afghanistan. Tại Iraq, số binh lính Mỹ chết đã vượt quá 4.200, chi phí chiến tranh sau 7 năm của Chính quyền Bush hơn 1500 tỷ đôla (có số liệu hơn 3000 tỷ đôla). Nội bộ Mỹ ngày càng chia rẽ trong cuộc chiến này. Trong khi đó, tình hình Afghanistan ngày càng bất ổn sau sự trở lại của lực lượng hồi giáo Taliban từ năm 2005. Mỹ và liên quân (hiện có hơn 40 nghìn quân) ngày càng gặp nhiều khó khăn trong việc bình ổn tình hình. Dư luận cho rằng, Afghanistan đã trở thành "Việt Nam" thứ hai của Mỹ.

Trong khi đó, Trung Quốc và phần nào đó là Nga và nhiều nước đã lợi dụng được tình thế Mỹ phải tập trung cho cuộc chiến chống khủng bố để tăng cường sức mạnh kinh tế, quân sự; từng bước thách thức vai trò và vị thế của Mỹ tại một số khu vực, trong đó có "sân sau của Mỹ". Trên bình diện thế giới, tâm lý ghét Mỹ, thậm chí chống Mỹ tăng sau khi Mỹ tấn công Iraq. Không chỉ các nước Hồi giáo có số người chống Mỹ tăng lên,

mà tại các nước bạn bè và đồng minh của Mỹ như Hàn Quốc, Nhật Bản, Pháp, Đức, Ba Lan, một bộ phận không nhỏ dư luận tỏ ra bất bình với chính sách ‘đơn phương’, ngạo mạn của Chính quyền Bush.

2. Một số nội dung của Học thuyết Obama

Các học giả Mỹ cho rằng, bắt đầu từ khi tranh cử và đặc biệt là ngay sau khi nhậm chức, Tổng thống Obama đã công bố học thuyết của mình để giải quyết những khó khăn như đã nêu ở trên². Qua những phát biểu chính sách (bài phát biểu thắng cử, diễn văn nhậm chức, bài phát biểu tại Hội nghị G20 tại Washington và London, bài phát biểu tại Hội nghị thượng đỉnh Châu Mỹ tại Trinidad và Tobago, bài phát biểu tại Ai Cập...) và triển khai thực tế của Chính quyền Obama, có thể rút ra một số nội dung cốt lõi của “Học thuyết Obama” như sau:

Thứ nhất, Obama chủ trương từ bỏ cách tiếp cận đơn phương của Chính quyền Bush, đề cao tính đa phương và hòa giải trong giải quyết các vấn đề quốc tế. Obama cho rằng, mặc dù Mỹ tiếp tục là quốc gia giàu có và hùng mạnh nhất thế giới, nhưng Mỹ chỉ là một quốc gia, và những vấn đề mà nước Mỹ phải đối phó, cho dù là nạn buôn bán ma túy, biến đổi khí hậu, hay khủng bố, sẽ không thể được giải quyết bởi một quốc gia; rằng nước Mỹ không thể tự mình đạt được các mục tiêu lớn, mặc dù “hành động đơn phương bao giờ cũng dễ hơn việc thành lập các mối quan hệ đối tác thực sự và các đồng minh trung thành”³. Theo đó, Mỹ sẽ hành động không phải như một nhà lãnh đạo toàn cầu, mà như một người hỗ trợ toàn cầu; không phải là một vị cứu

trình mà là một đối tác có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế.

Thứ hai, Obama chủ trương đối thoại, can dự với các quốc gia Mỹ coi là “bất hảo”⁴. Obama tuyên bố trong Lễ nhậm chức: “nước Mỹ sẽ chìa tay ra đối với các nước từ bỏ nắm đấm của họ”. Đây là cách tiếp cận hoàn toàn khác so với các chính quyền tiền nhiệm, thậm chí ngay cả Chính quyền Clinton được coi là tương đối ôn hòa. Trên cơ sở này, Ngoại trưởng Hillary Clinton đã đưa ra quan điểm “Thế giới đa đối tác” trong bài phát biểu tại Hội đồng đối ngoại tháng 7/2009 với hàm ý: Mỹ sẽ từ bỏ cách thức tập hợp lực lượng theo tiêu chí “đi với Mỹ hoặc chống lại Mỹ” mà Chính quyền Bush đã áp dụng một thời gian dài sau vụ khủng bố 11/9/2001, đồng thời sẽ thúc đẩy quan hệ với tất cả các nước, thậm chí cả với các nước trước đây có bất đồng với Mỹ.

Thứ ba, Obama chủ trương sử dụng công cụ khác ngoài công cụ quân sự để đạt được mục đích đối ngoại. Obama cho rằng, nếu Mỹ cần phải có hành động quân sự thì phải được ủng hộ của cả hai Đảng và phải phối hợp chặt chẽ với “đồng minh và bạn bè” và “nước Mỹ phải có mục tiêu rõ ràng trong bất cứ cuộc chiến nào”⁵. Các học giả Mỹ cho rằng, Học thuyết Obama là một kiểu của Chủ nghĩa hiện thực: mặc dù không ngại triển khai sức mạnh Mỹ, nhưng sức mạnh đó cần phải được sử dụng dựa trên đánh giá những giới hạn thực tế và với liều lượng phù hợp⁶. Quan điểm trên của Obama đã được Ngoại trưởng Mỹ cụ thể hóa bằng chủ trương sử dụng “sức mạnh thông minh” để đạt được các mục tiêu đối ngoại của Mỹ.

Thứ tư, Obama cho rằng, mặc dù Mỹ đại diện cho một loạt các giá trị phổ biến và lý tưởng của loài người -

như ý tưởng dân chủ, tự do bày tỏ chính kiến, tự do tôn giáo và xã hội dân sự... song “các nước khác có nền văn hóa khác, mục tiêu khác, lịch sử khác”, do đó những gì nước Mỹ cần làm để thúc đẩy những giá trị và lý tưởng “là bằng cách nêu gương”⁷. Obama chủ trương để cho người dân các nước có quyền tự quyết trong việc lựa chọn chế độ chính trị của riêng họ. Đây là điều khác biệt hoàn toàn với “Học thuyết Bush - tân bảo thủ” chủ trương thúc đẩy tự do trên thế giới với lập luận rằng chỉ có các quốc gia dân chủ là những đối tác đáng tin cậy của Mỹ⁸.

Thứ năm, mặc dù vẫn coi chống khủng bố là ưu tiên cao trong chính sách đối ngoại, song Obama không coi khủng bố là cuộc chiến “kéo dài nhiều thế hệ” như Chính quyền Bush, đồng thời từ bỏ ý định lợi dụng chống khủng bố để mở rộng ảnh hưởng trên thế giới, duy trì thế “đơn cực” sau Chiến tranh Lạnh. Obama chủ trương “dân sự hóa” vấn đề chống khủng bố, tuyên bố từ bỏ thuật ngữ “Cuộc chiến toàn cầu chống khủng bố” (GWOT) với hàm ý giảm nhẹ vấn đề này trong chính sách đối ngoại; đồng thời cho rằng, chủ nghĩa khủng bố xuất phát từ “hệ tư tưởng thù địch với Mỹ” có nguyên nhân sâu xa là những bất công trong xã hội và tình trạng nghèo đói, nhất là trong xã hội Hồi giáo; vì vậy, để loại bỏ tận gốc chủ nghĩa khủng bố, cần phải xóa bỏ những bất công và xóa đói giảm nghèo. Do vậy, Mỹ coi phát triển tại các quốc gia nghèo đói là một trong những ‘vũ khí’ chống lại chủ nghĩa khủng bố (hay rộng hơn là chủ nghĩa cực đoan bạo lực). Mỹ xác định địa bàn chống khủng bố không phải là Iraq hay Trung Đông mà là Nam Á (Afghanistan và Pakistan). Đối tượng

chống khủng bố không phải là các quốc gia trong “trục ma quỷ” mà là nhóm khủng bố Al Qaeda do Bin Laden đứng đầu và một số tổ chức khủng bố quốc tế khác. Về biện pháp, Mỹ cần kết hợp tối đa các biện pháp quân sự, chính trị, kinh tế, ngoại giao để từng bước cô lập và loại trừ Chủ nghĩa khủng bố.

3. Quá trình triển khai “Học thuyết Obama” và triển vọng

Quá trình triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ thời gian qua có nhiều nét tích cực về một nước Mỹ “bớt cường quyền”, hòa giải và đa phương hơn so với trước kia. Dự luận thế giới, nhất là tại một số “điểm nóng” đang cảm nhận được những “thay đổi” trong chính sách, trong biện pháp thực hiện, hay ít nhất là trong các tuyên bố chính sách của Mỹ.

Trên thực tế, chính quyền Obama đã đạt được một số mục tiêu đối ngoại ban đầu quan trọng. *Đáng kể nhất* là Mỹ đã thúc đẩy thành công hợp tác quốc tế để giải quyết cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính, đặc biệt là thông qua hai hội nghị thượng đỉnh G20 tại Washington D.C và London. Mỹ đã đạt được đồng thuận của các nước đồng minh và BRICs trong việc duy trì các tổ chức tài chính là WB và IMF, qua đó tiếp tục khẳng định vai trò lãnh đạo trong hệ thống tài chính toàn cầu. *Thứ hai*, Chính quyền Obama đã đạt được mục tiêu đặt ra là rút quân khỏi Iraq theo đúng lộ trình (quân chiến đấu của Mỹ đã rút khỏi các tỉnh và thành phố tại Iraq vào tháng 6/2009), qua đó tập trung vào việc bình ổn tình hình Afghanistan. Tại Afghanistan, Mỹ cũng nhận được cam kết lớn hơn của các nước đồng minh NATO và đặc biệt là của Nga trong việc vận chuyển quân và khí tài

qua lãnh thổ Nga. *Thứ ba*, Mỹ từng bước ổn định quan hệ nước lớn, đặc biệt là Trung Quốc và Nga bên cạnh việc tăng cường quan hệ với các đồng minh và bạn bè. *Thứ tư*, Mỹ đã tiến một bước quan trọng trong quá trình “hòa giải” với thế giới. Obama đã cử Ngoại trưởng Hillary thăm quốc gia Hồi giáo lớn nhất là Indonesia, sau đó ông đã thăm Thổ Nhĩ Kỳ và có bài phát biểu được cộng đồng Hồi giáo đánh giá là “có thiện ý”. Với khu vực Mỹ Latinh, Obama đã thực hiện các bước đi linh hoạt, mềm dẻo, xây dựng quan hệ “bình đẳng” với các nước khu vực thông qua chuyến đi dự Hội nghị thượng đỉnh Châu Mỹ (4/2009).

Tuy nhiên, Chính quyền Obama đang gặp phải một số khó khăn về cả nội bộ và đối ngoại. Về nội bộ, phe Cộng hòa một mặt chỉ trích Obama là “Tổng thống thiên tả”, quá “mềm mỏng” với các quốc gia thù địch, quá “nhân nhượng”, thậm chí hợp pháp hóa các chế độ độc tài; mặt khác viện dẫn lý do an ninh quốc gia để phản đối các biện pháp dân sự hóa việc chống khủng bố của Obama (Kế hoạch đóng cửa nhà tù Guantanamo vào 2010 của Obama đã phải lùi thời hạn thực hiện do sự chống đối của phe Cộng hòa và một số nhân vật Dân chủ trong Quốc hội Mỹ).

Về đối ngoại, Mỹ gặp thách thức ngày càng tăng từ các nước lớn và các quốc gia Mỹ gọi là ‘bất hảo’. Trung Quốc ra sức lợi dụng khó khăn của Mỹ để khẳng định vị thế ‘siêu cường’ như đòi hỏi vai trò lớn hơn tại các thể chế tài chính quốc tế như WB, IMF; đòi thành lập một đồng tiền quốc tế thay thế đồng đôla Mỹ, đưa ra khái niệm “đồng thuận Bắc Kinh” thay cho “đồng thuận Washington”; nêu ý tưởng “chia đôi Thái Bình Dương”, đưa tàu hải quân áp sát tàu Mỹ 5 lần

tại Biển Đông tính từ cuối năm 2008. Sự nghi ngờ lẫn nhau mang tính chiến lược giữa Trung Quốc và Mỹ vẫn ngấm ngấm diễn ra, tuy hai bên tiếp tục khẳng định có lợi ích lớn trong hợp tác.

Với Nga, mặc dù quá trình “tái khởi động lại quan hệ Mỹ-Nga” đã khởi đầu tương đối suôn sẻ qua chuyến thăm Nga của Tổng thống Obama (7/2009) song Nga tiếp tục có thái độ cứng rắn “mang tính nguyên tắc” tại không gian hậu Xô Viết; chỉ trích Mỹ về cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính hiện nay và kêu gọi hình thành một trật tự kinh tế thế giới mới; tiếp tục tăng chi cho quân sự, nhất là các loại vũ khí hiện đại; tiếp tục mở rộng ảnh hưởng tại một số khu vực, trong đó có Mỹ Latinh.

Với các quốc gia mà Mỹ coi là bất hảo, phương châm “sẵn sàng chìa tay ra đối với các nước từ bỏ nắm đấm của họ” mà Obama đưa ra chưa mang lại kết quả như Mỹ muốn. Các quốc gia trên tiếp tục tỏ ra cứng rắn, từ chối đối thoại, thậm chí gây căng thẳng trong quan hệ với Mỹ. Với Myanmar, bất chấp nỗ lực của Mỹ cùng ASEAN tìm giải pháp tháo gỡ vấn đề dân chủ - nhân quyền của nước này, Myanmar vẫn tiến hành xét xử bà Ang San Suu Kiy, đồng thời tuyên bố chính sách cứng rắn đối với phe đối lập, từ chối đối thoại với Mỹ và phương Tây về nhân quyền và cải cách dân chủ.

Với Iran, do nhu cầu nội bộ, Iran tiếp tục thực hiện chính sách cứng rắn với Mỹ như từ chối đàm phán với P5+1, thử tên lửa tầm xa, tuyên bố tiếp tục làm giàu Uranium. Iran đã thực hiện một số biện pháp trấn áp các nhóm biểu tình sau cuộc bầu cử tổng thống (7/2009), gây ra dư luận dân chúng Mỹ đòi Chính quyền Obama phải thắt chặt các biện pháp

cấm vận, trừng phạt Iran. Điều đó buộc Chính quyền Obama phải đặt thời hạn hết năm 2009 cho nỗ lực đàm phán, đồng thời cảnh báo “sẽ có biện pháp mạnh” nếu Iran không thay đổi lập trường cứng rắn.

Với Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên, có thể xuất phát từ lý do nội bộ, Triều Tiên liên tục có hành động gây căng thẳng như bắn tên lửa mang vệ tinh, tuyên bố rút khỏi đàm phán 6 bên (4/2009), thử hạt nhân lần hai (5/2009), liên tục thử tên lửa tầm ngắn (7/2009). Nội bộ Mỹ cho rằng, Chính quyền Obama đã bất lực trong việc kiểm soát tình hình Triều Tiên. Thậm chí, một số học giả Mỹ cho rằng học thuyết của Obama đối với Triều Tiên và Iran đã hoàn toàn thất bại⁹.

Một vấn đề gây tranh cãi nữa của “Học thuyết Obama” là quan điểm “đa đối tác” thay vì “đa cực” như trước đây. Theo quan điểm này, Mỹ sẽ không đặt yếu tố “cân bằng”, “kiềm chế” theo tư duy địa chiến lược truyền thống là ưu tiên hàng đầu trong quan hệ với các nước. Theo một số học giả Mỹ, điều này “nói dễ hơn làm” vì việc Mỹ thúc đẩy quan hệ với tất cả các nước cũng đồng nghĩa với việc Mỹ khó có thể có quan hệ gần gũi và sâu sắc với một hoặc một nhóm nước cụ thể nào, ngay cả với các nước đồng minh của Mỹ, nhất là trong bối cảnh các quốc gia có nhiều lợi ích chung, song cũng có không ít khác biệt như hiện nay.

Dư luận thế giới cho rằng, “Học thuyết Obama” được đưa ra vào thời điểm “khoảnh khắc đơn cực” của Mỹ đã kết thúc, nước Mỹ chỉ còn là “quốc gia mạnh nhất trong số các quốc gia ngang hàng”. Do đó, mục tiêu hàng đầu của “học thuyết này” là *thay đổi* cách đánh giá của Mỹ về thế giới, *thay*

đổi cách thức Mỹ lãnh đạo thế giới, *thay đổi* phương châm Mỹ thúc đẩy hợp tác và đấu tranh, *thay đổi* cách thức Mỹ triển khai sức mạnh để đạt được các mục tiêu đối ngoại. Chính quyền Obama đã đạt được một số mục tiêu quan trọng về đối ngoại, song cũng đang gặp phải những chỉ trích không nhỏ từ nội bộ Mỹ, cũng như từ các nước lớn và các nước “đối tượng” của Mỹ. Những tuyên bố chính sách có vẻ “mềm” của Obama đã khiến dư luận Mỹ nghi ngờ về tính ‘quyết đoán’ và khả năng trở thành ‘tổng thống mạnh’ của ông. Đã có dư luận cho rằng, nước Mỹ dưới Chính quyền Obama đã trở thành một “Siêu cường lưỡng lự” (Reluctant Superpower). Điều đó cho thấy những ý tưởng mới mà Obama đưa ra sẽ tiếp tục gặp thử thách cả về đối nội và đối ngoại, do đó có thể sẽ phải có những điều chỉnh trong thời gian tới ■

Chú thích:

- 1) Gồm Brazil, Nga, Ấn Độ và Trung Quốc.
- 2) Amitai Etzioni, The Obama Doctrine, The Huffington Post August 12, 2009, http://www.huffingtonpost.com/amitai-etzioni/the-obama-doctrine_b_236087.html
- 3) E.J. Dion, The Obama Doctrine, Real Clear World, April 16, 2009
- 4) Michael Gerson, Obama’s doctrine of engagement builds the case for confrontation, WP Jul 30, 2009
- 5) Gordon Lubold, The emerging Obama doctrine, CSM, March 10, 2009 <http://features.csmonitor.com/politics/2009/03/10/the-emerging-obama-doctrine/>
- 6) E.J. Dionne, The Obama Doctrine, đã dẫn
- 7) Michael Scherer, The Obama Foreign Policy Doctrine, Time Magazine, Sunday, April 19, 2009
- 8) Amitai Etzioni, The Obama Doctrine, đã dẫn
- 9) Michael Gerson, Obama’s doctrine of engagement builds the case for confrontation, WP Jul 30, 2009.